

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2024/HS-ST

Ngày: 20-3-2024

NHÂN DANHQUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hoàng Thị Phụng.
- Bà Trần Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lại Văn Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2024/HSST ngày 31 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2024/HSST-QĐ ngày 20/02/2024 đối với:

1. Bị cáo: Bùi Thị D, sinh ngày 08/4/1988, tại tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn Q, xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Con ông Bùi Xuân X và bà Đặng Thị T; Có chồng là Đỗ Thế Đ, có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Bản án số 191/2015/HSST ngày 06/11/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 05 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tính từ ngày 29/6/2015. Chấp hành xong thời hạn tù ngày 26/4/2019, chấp hành xong án phí, tiền sung công ngày 07/9/2020. Các khoản bồi thường, người được thi hành án không có đơn yêu cầu và hiện nay không có mặt tại nơi cư trú.

- Bản án số 14/2020/HSST ngày 28/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tính từ ngày 17/01/2020. Chấp hành xong thời hạn tù ngày 27/4/2021, bị cáo

được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 22/12/2023 đến nay. Có mặt.

2. Bị cáo: **Vũ Minh Q**, sinh ngày 20/6/1974, tại tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: số nhà A, ngõ G, đường H, tổ B, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Vũ Xuân C (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (đã chết); Có vợ là Phạm Thị H, đã ly hôn, bị cáo chưa có con;

Tiền án: 01. Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2015/HSST ngày 23/01/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 03 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn tính từ ngày 13/10/2014. Chấp hành xong thời hạn tù ngày 13/10/2017, chưa chấp hành tiền án phí và tiền phạt bổ sung.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Bản án số 34/HSST ngày 22/5/1997 của Toà án nhân dân thị xã Thái Bình (nay là thành phố T), tỉnh Thái Bình xử phạt 15 tháng tù về tội "Tổ chức dùng chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày 21/01/1997. Chấp chấp hành xong án phí tháng 5/1997.

- Bản án số 10/HSST ngày 19/3/1999 của Toà án nhân dân thị xã Thái Bình (nay là thành phố T), tỉnh Thái Bình xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân", thời hạn tù tính từ ngày 18/11/1998. Chấp chấp hành xong án phí, tiền sung công tháng 9/2005.

- Bản án số 100/HSST ngày 18/10/2002 của Toà án nhân dân thị xã Thái Bình (nay là thành phố T), tỉnh Thái Bình xử phạt 12 tháng tù về tội "Sử dụng trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày 04/7/2002. Chấp chấp hành xong án phí tháng 5/2003.

- Bản án số 157/2005/HSST ngày 29/11/2005 của Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 15/7/2005. Chấp chấp hành xong án phí, tiền sung công ngày 22/02/2006.

- Quyết định số 3119 ngày 22/8/2008 của UBND thành phố T đưa vào Trung tâm chữa bệnh, giáo dục, lao động xã hội 12 tháng.

- Bản án số 17/2010/HSST ngày 23/02/2010 của Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 03 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

- Quyết định số 2948 ngày 15/10/2012 của UBND thành phố T đưa vào Trung tâm chữa bệnh, giáo dục, lao động xã hội 12 tháng.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 22/12/2023 đến nay. Có mặt.

- Bị hại: anh Phạm Đình K, sinh năm 1984, trú tại thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình. **Vắng mặt.**

- Người làm chứng: chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1980, trú tại xóm D, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. **Vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên Bùi Thị D nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản. Khoảng 03 giờ 00 phút ngày 27/10/2023, D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Dream, màu sơn đỏ (không đeo biển kiểm soát) đi từ nhà đến khu vực bãi để xe của anh Phạm Đình K, sinh năm 1984 ở thôn T, xã V, thành phố T, thấy không có ai trông coi, D vào bên trong bãi trộm cắp được 04 ống tuýp làm bằng kim loại sáng màu, đường kính 06 cm, chiều dài 2,2 m, sau đó D chở đến đầu ngõ G, đường H, tổ B, phường L, thành phố T (ngõ N) để cất giấu rồi D vào nhà Vũ Minh Q và rủ Q đến bãi để xe trên trộm cắp tài sản, Q đồng ý. Q kéo 01 xe lôi chở hàng của Q ngồi sau xe mô tô D điều khiển, đến nơi thấy không có ai trông coi nên cả hai đã trộm cắp được 04 ống tuýp bằng kim loại sáng màu, chiều dài từng ống lần lượt là 4,78 m, 4,75 m, 4,79 m, 4,79 m, đường kính từng ống là 03 cm, tổng trọng lượng các ống là 24 kg; 02 cánh cửa bằng kim loại; 01 gầu máy xúc dạng đầu đục bê tông. D điều khiển xe mô tô chở Q kéo xe lôi chở các tài sản vừa trộm cắp được về nhà Q cất giấu. Sau đó, Q đã bán 02 cánh cửa cho một người phụ nữ thu mua phế liệu (không biết tên, tuổi, địa chỉ) được 25.000 đồng và bán 01 gầu máy xúc cho chị Nguyễn Thị N1 là chủ cửa hàng mua bán sắt vụn thuộc tổ C, phường H, thành phố T được 400.000 đồng. Số tiền này, Q và D tiêu sài cá nhân hết. Còn 08 ống tuýp sắt, D đã mang về nhà cất giấu. Đến ngày 21/11/2023, D quay lại khu vực bãi để xe mục đích tiếp tục trộm cắp tài sản thì bị quần chúng nhân dân cùng Công an xã V phát hiện đưa về trụ sở Công an xã để làm việc.

Kết luận định giá tài sản số 23/K1-HĐĐGTS ngày 08/12/2023 và số 03/K1-HĐĐGTS ngày 08/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T kết luận: 04 ống tuýp kim loại, chiều dài từng ống là 2,2 m; đường kính từng ống 0,06 m, tổng trọng lượng các ống là 25,5 kg trị giá 255.000 đồng; 04 ống tuýp kim loại, chiều dài từng ống lần lượt là 4,78 m, 4,75 m, 4,79 m, 4,79 m; đường kính từng ống là 0,03 m, tổng trọng lượng các ống là 24 kg trị giá 240.000 đồng; 01 gầu máy xúc dạng đầu đục trị giá 2.500.000 đồng; 02 cánh cửa bằng kim loại, chiều dài từng cánh là 2,10 m; chiều ngang từng cánh là 0,80 m trị giá 280.000 đồng.

Kết luận giám định số 111/KL-KTHS ngày 23/01/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh T kết luận: Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 02 tập tin video gửi giám định.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận như trên. Lời khai của **bị hại, người làm chứng** đều thể hiện như lời khai của bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 33/CT-VKSTPTB ngày 30/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố Bùi Thị D và Vũ Minh Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51 (điểm h khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo Q), Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Thị D từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/12/2023, đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Minh Q từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/12/2023. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 2.500.000 đồng giá trị 01 gầu máy xúc dạng đầu đục, phần cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường là 1.250.000 đồng. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có tranh luận gì. Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận ra lỗi lầm của mình là vi phạm pháp luật mong Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với nhau, chứng minh cho hành vi phạm tội của nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và còn được chứng minh bằng: Báo cáo của Công an xã V, thành phố T; Biên bản xác định hiện trường, Sơ đồ hiện trường, Bản ảnh xác định hiện trường; Biên bản giao nhận đồ vật, Biên bản niêm phong đồ vật bị tạm giữ; Kết luận định giá tài sản số 23/KI-HĐĐGTS ngày 08/12/2023 và số 03/KI-HĐĐGTS ngày 08/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T; Kết luận giám định số 111 ngày 23/01/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh T, Phụ lục và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 03 giờ 00 phút ngày 27/10/2023, Bùi Thị D có hành vi trộm cắp

04 ống tuýp kim loại, chiều dài từng ống là 2,20 m, đường kính từng ống 0,06 m, tổng trọng lượng các ống là 25,5 kg, trị giá 255.000 đồng tại bãi để xe thuộc thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình của anh Phạm Đình K. Sau đó, D đến nhà và rủ Vũ Minh Q tiếp tục đến bãi để xe trên trộm cắp 04 ống tuýp kim loại, chiều dài từng ống là 4,78m; 4,75m; 4,79m; 4,79m đường kính từng ống là 0,03 m, tổng trọng lượng các ống là 24 kg; 01 gầu máy xúc dạng đầu đục; 02 cánh cửa sắt chiều dài từng cánh là 2,10 m, chiều ngang từng cánh là 0,80 m, tổng trị giá tài sản là 3.020.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo D trộm cắp 3.275.000 đồng, số tiền bị cáo Q 3.020.000 đồng. Số tiền bán gầu máy xúc, 02 cánh cửa sắt, D và Q đã tiêu xài cá nhân hết.

[3] Như vậy hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Điều 173. Tội trộm cắp tài sản quy định: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm ” Vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự trị an xã hội và gây hoang mang cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Các bị cáo đã biết rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[5] Xét về vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo D rủ rê bị cáo Q đi phạm tội nên bị cáo D có vai trò chính trong vụ án. Bị cáo D và bị cáo Q đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, thành khẩn khai báo. Bị cáo D không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, bị cáo Q chưa chấp hành hình phạt bổ sung của Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2015/HSST ngày 23/01/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nên bị cáo Q phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đều có nhân thân xấu đã nhiều lần bị đưa ra xét xử, bị cáo Q còn đã 02 lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội nên cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đối với 08/ ống tuýp kim loại (đã qua sử dụng) quản lý của bị cáo Bùi Thị D là tài sản hợp pháp của anh Phạm Đình K. Ngày 26/01/2024, Cơ quan điều tra Công an thành phố T đã trả lại cho anh K. Anh K yêu cầu các bị cáo bồi thường 01 gầu máy xúc dạng đầu đục giá trị là

2.500.000 đồng, ngoài ra anh K không yêu cầu gì khác nên cần áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 587, 589 Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh K số tiền 2.500.000 đồng phần cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường là 1.250.000 đồng.

[7] Đối với xe mô tô nhãn hiệu Dream, màu sơn đỏ và xe lôi mà các bị cáo sử dụng đi trộm cắp tài sản ngày 27/10/2023 là của bị cáo Q, do xe bị hỏng nên Q đã bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, Cơ quan điều tra không quản lý được.

[8] Chị Nguyễn Thị N1 mua của bị cáo Q 01 gầu máy xúc dạng đầu đục nhưng chị N1 không biết tài sản do trộm cắp mà có, chị N1 đã bán đi không nhớ bán cho ai và bán bao nhiêu tiền nên không có căn cứ xử lý.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51 (điểm h khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo Q), Điều 38, Điều 47, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 587, Điều 589 Bộ luật Dân sự; Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Thị D, Vũ Minh Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo Bùi Thị D 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/12/2023.

2.2 Xử phạt bị cáo Vũ Minh Q 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/12/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Bùi Thị D, Vũ Minh Q phải liên đới bồi thường cho anh Phạm Đình K1 giá trị 01 gầu máy xúc dạng đầu đục là 2.500.000 đồng, phần cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường là 1.250.000 đồng (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Bùi Thị D, Vũ Minh Q mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Bùi Thị D, Vũ Minh Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 20/3/2024. Anh Phạm Đình K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- CQCSĐT Công an thành phố Thái Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương